

Số: 45 /QĐ-UBND

Lâm Bình, ngày 24 tháng 01 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc công nhận xã, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2021**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 619/QĐ-TTg ngày 08 tháng 5 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định về xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 07/2017/TT-BTP ngày 28 tháng 7 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định về điểm số, hướng dẫn cách tính điểm các chỉ tiêu tiếp cận pháp luật, Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật và một số nội dung về xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tư pháp tại Tờ trình số 04/TTr-PTP ngày 20 tháng 01 năm 2022.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công nhận 10 xã, thị trấn thuộc huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2021 (có danh sách kèm theo).

**Điều 2.** Chánh Văn phòng huyện, Trưởng phòng Tư pháp, các thành viên Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật huyện, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, thị trấn căn cứ Quyết định thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2; (thực hiện)
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Thường trực Huyện ủy;
- Thường trực HĐND huyện;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Phó CVP huyện;
- Văn phòng Điều phối NTM huyện;
- Phòng Tư pháp;
- Lưu: VT, CV<sub>(HT)</sub>.

(báo cáo)

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Văn Hiền**

## DANH SÁCH

### Các xã, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2021

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày 21 /01/2022 của Chủ tịch UBND huyện)

STT	Tên xã, thị trấn	Tổng điểm	Điểm của từng tiêu chí					Kết quả đánh giá sự hài lòng (%)
			Tiêu chí 1	Tiêu chí 2	Tiêu chí 3	Tiêu chí 4	Tiêu chí 5	
	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
<b>I</b>	<b>Loại I</b>							
1	Thị trấn Lăng Can	95	15	29,1	20,5	10	20	100%
2	Xã Thượng Lâm	95	15	29	21	9,6	20	96%
3	Xã Khuôn Hà	95	14,5	29,5	20,5	10	20	100%
<b>II</b>	<b>Loại III</b>							
1	Xã Phúc Yên	90	10,75	28	21,5	10	20	99%
2	Xã Xuân Lập	91	10,75	30	21	9	20	95%
3	Xã Bình An	95	14	29,5	21,5	10	20	98%
4	Xã Thổ Bình	96	14,5	30	22	9	20	100%
5	Xã Hồng Quang	85	9,5	29,5	16	10	20	100%
6	Xã Minh Quang	95	14,5	29,5	22	9	20	100%
7	Xã Phúc Sơn	91	14	29,25	19	9	20	99%